

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1677 /QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 30 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực, thể chế hoạt động bền vững của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bình Thuận

TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH
VÀ VSMT NT BÌNH THUẬN

Số: ... 73C

ĐẾN Ngày: ... 15/6/16

Chuyên:

Lưu hồ sơ số:

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 3054/QĐ-BNN-HTQT ngày 03 tháng 8 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phê duyệt hoạt động “Nâng cao năng lực thể chế hoạt động bền vững cho hệ thống Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn cấp tỉnh” do Chính phủ Úc tài trợ trong khuôn khổ dự án “Hỗ trợ Chương trình mục tiêu Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2011-2015” và Quyết định số 809/QĐ-BNN-HTQT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh Quyết định số 3054/QĐ-BNN-HTQT ngày 03/8/2015;

Xét đề nghị của của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 90/TTr-SNN ngày 08 tháng 6 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực, thể chế hoạt động bền vững của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bình Thuận, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tên Đề án: Nâng cao năng lực, thể chế hoạt động bền vững của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bình Thuận.

- Chủ đầu tư: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bình Thuận.

- Đơn vị tư vấn: Chủ đầu tư tự thực hiện.

2. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu

- Phạm vi: Các lĩnh vực hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bình Thuận.

- Đối tượng: Tổ chức, cá nhân và các cơ chế, chính sách,... có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bình Thuận.

3. Mục tiêu lập đề án

3.1. Mục tiêu chung

- Làm cơ sở triển khai thực hiện công tác nâng cao năng lực, thể chế, hiệu quả vận hành của các công trình cấp nước tập trung nông thôn, huy động các nguồn vốn đầu tư tạo điều kiện cho Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bình Thuận hoạt động theo hướng bền vững; đồng thời hoàn thành mục tiêu của Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch nông thôn và tiêu chí xây dựng nông thôn mới đến năm 2020.

- Giúp cho Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bình Thuận (sau đây viết tắt là Trung tâm) thực hiện lộ trình chuyển đổi mô hình hoạt động từ đơn vị sự nghiệp công lập có thu tự đảm bảo 100% chi phí chi thường xuyên sang mô hình doanh nghiệp khi có đủ điều kiện.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2020, tổng công suất thiết kế các công trình cấp nước tập trung (viết tắt CTCN) do Trung tâm quản lý đạt 57.000 m³/ngày; công suất khai thác thực tế bình quân hàng ngày các CTCN trong mùa khô đạt tối thiểu 70% công suất thiết kế;

- 100% CTCN do Trung tâm quản lý có chất lượng nước đạt QCVN theo quy định của Bộ Y tế; trên 60% số CTCN hoạt động bền vững và thực hiện có kết quả kế hoạch cấp nước an toàn;

- Đến năm 2020, có tối thiểu 60% xã đạt Tiêu chí 17.1 về tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, nước sạch của Tiêu chí 17 về môi trường thuộc Bộ tiêu chí của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

- Sản lượng nước sản xuất giai đoạn 2016 - 2020 tăng bình quân 65% và ghi thu tăng 68% so với giai đoạn 2011-2015, lượng nước sản xuất bình quân khoảng 10,8 triệu m³/năm và lượng nước ghi thu bình quân 8,8 triệu m³/năm; đến năm 2020 sản lượng nước sản xuất là 13,4 triệu m³/năm và lượng nước ghi thu đạt 11 triệu m³/năm, số lượng khách hàng lắp thủy kế sử dụng nước trên 75.000 đầu nối, tỉ lệ nước thất thoát khoảng 18%;

- Tổng doanh thu bình quân giai đoạn 2016 - 2020 tăng 84% (đạt 87,2 tỷ đồng/năm) so với giai đoạn 2011 - 2015 (47,3 tỷ đồng/năm); đến năm 2020 tổng doanh thu đạt 105 tỷ đồng/năm; trong đó, riêng doanh thu bình quân hoạt động cấp nước giai đoạn 2016 - 2020 tăng 151% (70 tỷ đồng/năm) so với giai đoạn 2011-2015 (32,6 tỷ đồng/năm); đến năm 2020 doanh thu cấp nước đạt 88 tỷ đồng/năm;

- Năng suất lao động tính trên tổng doanh thu giai đoạn 2016 - 2020 tăng 65% (đạt 381 triệu đồng/người/năm) so với giai đoạn 2011-2015 (230 triệu đồng/người/năm); năng suất lao động tính trên doanh thu hoạt động sản xuất cấp nước tăng 84% so với giai đoạn 2011-2015. Tốc độ tăng thu nhập

hàng năm và tăng bình quân trong giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 5,42% đảm bảo nguyên tắc thấp hơn tốc độ tăng năng suất lao động. Thu nhập bình quân vào năm 2020 đạt khoảng 145 triệu đồng/người/năm;

- Tổng số tiền thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 là 13,5 tỷ đồng so với giai đoạn 2011 - 2015 là 10,3 tỷ đồng, tăng khoảng 31%; đến năm 2020 tổng số tiền nộp ngân sách Nhà nước ước đạt 2,9 tỷ đồng/năm;

- Đến năm 2020, lực lượng lao động đã qua đào tạo các chuyên ngành từ trung cấp trở lên đạt tối thiểu 75%; từ đại học trở lên đạt tối thiểu 40%, trong đó có tối thiểu 09 thạc sĩ các chuyên ngành: cấp thoát nước, môi trường, điều khiển tự động, kinh tế, quản trị kinh doanh, ...

4. Tầm nhìn đến năm 2025

- Hoạt động theo mô hình doanh nghiệp công ích và/hoặc cổ phần hóa một số CTCN, nâng cao năng lực quản trị theo hướng tiên tiến, hiện đại, văn hóa ứng xử thân thiện, hoạt động có tính chuyên nghiệp và kỷ luật cao;

- Tổng công suất thiết kế các CTCN do Trung tâm quản lý đạt 70.000 m³/ngày; công suất khai thác thực tế bình quân hàng ngày các CTCN trong mùa khô đạt tối thiểu 80% công suất thiết kế;

- 100% CTCN do Trung tâm quản lý có chất lượng nước đạt QCVN theo quy định của Bộ Y tế; trên 90% số CTCN hoạt động bền vững và thực hiện có kết quả kế hoạch cấp nước an toàn;

- Sản lượng nước sản xuất, ghi thu giai đoạn 2021 - 2025 tăng 65% so với giai đoạn 2016 - 2020, trung bình khoảng 17,8 triệu m³/năm; đến năm 2025 sản lượng nước ghi thu đạt 17,8 m³/năm, số lượng khách hàng lắp thủy kế sử dụng nước trên 110.000 đầu nối, tỉ lệ thất thoát dưới 16%;

- Tổng doanh thu năm 2025 trên 160 tỷ đồng. Năng suất lao động tính trên tổng doanh thu giai đoạn 2021 - 2025 tăng bình quân 7,0%/năm so với giai đoạn 2016 - 2020 (riêng năng suất lao động tính trên doanh thu hoạt động sản xuất, cấp nước tăng bình quân 90%/năm). Tốc độ tăng thu nhập hàng năm và tăng bình quân trong giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 5,0% đảm bảo nguyên tắc thấp hơn tốc độ tăng năng suất lao động. Thu nhập bình quân vào năm 2025 đạt khoảng 180 triệu đồng/người/năm;

- Hầu hết CTCN thực hiện tốt kế hoạch cấp nước an toàn, áp dụng phổ biến hóa đơn điện tử và ghi thu trực tiếp. Tỉ lệ thất thoát nước khoảng 16 %.

5. Các giải pháp chủ yếu

5.1. Giải pháp huy động vốn

5.1.1. Nhu cầu vốn đầu tư

Tổng nhu cầu vốn đầu tư mới và nâng cấp, mở rộng các CTCN do Trung tâm quản lý giai đoạn 2016 - 2020 là 732 tỷ đồng (trong đó kế hoạch đã phê duyệt là 455 tỷ đồng, nhu cầu còn lại 277 tỷ đồng), dự kiến các nguồn vốn đầu tư như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nguồn vốn (*)	Tổng số	Trong đó:		Ghi chú
			Đã được phê duyệt	Đề nghị cân đối bổ sung	
	TỔNG CỘNG	732.000	455.000	277.000	
1	Ngân sách tỉnh	181.000	131.000	50.000	
1.1	Vốn đầu tư công trung hạn	100.000	50.000	50.000	
1.2	Vốn chống hạn	38.000	38.000		
1.3	Vốn đối ứng	28.000	28.000		Dự án Lĩnh vực nước, WB
1.4	Vốn vay lại Trung ương	15.000	15.000		Dự án WB
2	Ngân sách Trung ương hỗ trợ	142.000	-	142.000	
2.1	Vốn CTMTQG xây dựng nông thôn mới	60.000		60.000	
2.2	Hỗ trợ đầu tư các CTCN cấp bách do biến đổi khí hậu	82.000		82.000	
3	Vốn ODA	409.000	324.000	85.000	
3.1	WB	133.500	133.500		
3.2	Chính phủ Ý	178.500	178.500		
3.3	Chính phủ Bỉ	12.000	12.000		
3.4	Chính phủ Úc (DFAT)	65.000		65.000	
3.5	Khác	20.000		20.000	

(*) Chưa tính nguồn vốn tự có của hộ dân, tổ chức hoặc vốn vay ưu đãi theo Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/04/2004 và Quyết định số 18/2014/QĐ-TTg ngày 03/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tin dụng thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn sử dụng để lắp đặt tuyến ống phân phối và ống nhánh, thùy kế vào nhà.

5.1.2. Giải pháp huy động vốn

Đa dạng các nguồn vốn và phương thức đầu tư trên nguyên tắc xã hội hóa; trong đó tập trung vào các nguồn vốn đầu tư và giải pháp chủ yếu như sau:

- Nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, vốn Trung ương hỗ trợ khắc phục thiên tai, hạn hán và tình trạng biến đổi khí hậu;

- Bổ sung vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 từ ngân sách tỉnh nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch cho nhân dân các địa phương trong tình trạng thiên tai hạn hán thường xuyên do biến đổi khí hậu, đồng thời góp phần nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Trung tâm;

- Nguồn vốn tài trợ quốc tế tranh thủ các nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức chính phủ và phi chính phủ theo hình thức viện trợ không hoàn lại hoặc vay ưu đãi. Phối hợp chặt chẽ với Ban quản lý Dự án quản lý tổng hợp nguồn nước và phát triển đô thị trong mối liên hệ với biến đổi khí hậu tỉnh Bình Thuận, Ban quản lý dự án Lĩnh vực nước tỉnh Bình Thuận và Chi cục Phát triển nông thôn đẩy nhanh tiến độ triển khai đầu tư xây dựng các CTCN trên địa bàn các huyện từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Bỉ, vốn vay ưu đãi của Chính phủ Ý và Ngân hàng Thế giới (WB), sớm hoàn thành đưa vào vận hành khai thác trước năm 2020.

- Tiếp tục liên hệ với Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc (DFAT), các nhà tài trợ quốc tế khác và các tổ chức phi chính phủ (NGOs) vận động tài trợ vốn vay ưu đãi hoặc viện trợ không hoàn lại;

- Huy động vốn đầu tư của các thành phần kinh tế hoặc Trung tâm trực tiếp vay vốn triển khai thực hiện đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp, nhất là việc nâng cấp, mở rộng các công trình cấp nước trên địa bàn các thị trấn, thị tứ có mật độ dân cư đông, nhu cầu sử dụng nước cao, công trình đã khai thác vượt công suất thiết kế nhưng vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng của dân cư;

- Các khoản đóng góp theo quy định của nhân dân bao gồm vốn tự có của các hộ và vốn vay tín dụng ưu đãi theo Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/04/2004 và Quyết định số 18/2014/QĐ-TTg ngày 03/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Tiếp tục thực hiện chủ trương huy động vốn dân góp đối với các CTCN hoàn thành đưa vào sử dụng.

5.2. Các ưu tiên liên quan đến công tác đầu tư

- Ưu tiên đầu tư cho các khu dân cư tập trung đang rất khó khăn về nguồn nước sinh hoạt, chưa có CTCN tại địa bàn các thôn, xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và xã điểm xây dựng nông thôn mới;

- Tập trung nâng cấp về quy mô để bổ sung nguồn nước cho các CTCN hiện có nhưng đang hoạt động quá tải, vượt công suất thiết kế, không đáp ứng nhu cầu sử dụng của nhân dân trong mùa khô;

- Đầu tư nâng cấp các CTCN chưa có hệ thống xử lý nước theo quy định để đạt chất lượng nước theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

- Lắp đặt các tuyến ống chuyên tải liên thông đối với các CTCN liền kề để bổ sung nguồn nước và hỗ trợ lẫn nhau, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng.

5.3. Giải pháp về thể chế

- Tiếp tục nghiên cứu triển khai phương thức huy động dân đóng góp kinh phí để đáp ứng nhu cầu mở rộng mạng tuyến ống phân phối nước trên địa bàn các thị trấn, thị tứ;

- Thực hiện đầu tư mở rộng tuyến ống cấp nước hoặc các hạng mục CTCN từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trung tâm;

- Ban hành quy định về bảo vệ an toàn nguồn nước và các hạng mục công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Thuận trên cơ sở cụ thể hóa Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 05/08/2014 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý, bảo vệ công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh.

5.4. Giải pháp về tăng cường công tác quản lý công trình cấp nước

- Thực hiện công tác thông tin - giáo dục - truyền thông và vận động, đẩy nhanh tốc độ lắp đặt tuyến ống phân phối, ống nhánh và thùy kế nhằm phát huy tối đa công suất nhà máy, tăng nhanh số lượng hộ được sử dụng, nước sạch để phát huy hiệu quả công trình và hoàn thành Tiêu chí 17.1 thuộc Tiêu chí 17 về môi trường của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

- Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn theo Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 26/5/2014 của UBND tỉnh Bình Thuận đối với các CTCN tại thị trấn để rút kinh nghiệm và nhân rộng các CTCN khác;

- Đầu tư trang thiết bị cần thiết và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO nhằm phục vụ công tác theo dõi, giám sát chất lượng nước thường xuyên tại các CTCN đạt kết quả tốt;

- Thường xuyên đào tạo lực lượng quản lý vận hành CTCN để có đủ năng lực, kinh nghiệm quản lý vận hành mang tính chuyên nghiệp nhất là đối với các CTCN ngày càng có quy mô công suất lớn địa bàn phục vụ rộng, số lượng khách hàng nhiều trên địa bàn nhiều xã/thị trấn;

- Giá thành nước sạch phải được tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí hợp lý trong quá trình sản xuất, phân phối theo quy định hiện hành của Nhà nước.

5.5. Giải pháp về chống thất thoát, thất thu nước sạch

Thực hiện các giải pháp đồng bộ từ khâu thiết kế, sử dụng vật tư, vật liệu, kỹ thuật thi công và trình độ, năng lực của công tác quản lý, vận hành, khai thác công trình sau đầu tư; trong đó cần tập trung vào các định hướng sau:

- Hạn chế sử dụng loại ống cấp nước bằng uPVC, chuyển sang sử dụng rộng rãi loại ống HDPE để hạn chế tình trạng ống bị xì, bể;
- Đầu tư các tuyến ống chuyển tải độc lập với mạng tuyến ống phân phối, sử dụng các loại thùy kế và phụ kiện có chất lượng tốt;
- Tăng cường kiểm tra, giám sát kỹ thuật thi công hàn nối, lắp đặt tuyến ống các loại và công tác lắp đặt thùy kế cho khách hàng;
- Giám sát hệ thống các tuyến ống bằng phần mềm GIS đi đôi với triển khai thực hiện công tác phân vùng tách mạng và thay thế các tuyến ống cũ, hỏng;
- Trang bị các thiết bị phát hiện rò rỉ nước và hành vi lấy cắp nước phù hợp với khả năng về kinh phí và quản lý, sử dụng công nghệ của Trung tâm;
- Xây dựng cơ chế, chính sách khen thưởng, khuyến khích tổ chức, cá nhân phát hiện và cung cấp thông tin kịp thời để xử lý các hành vi lấy cắp nước, phá hoại công trình cấp nước gây thất thoát nước.

5.6. Giải pháp về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tổ chức bộ máy

- Chú trọng đào tạo nâng cao năng lực cho viên chức, lao động (viết tắt là VCLĐ) nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế về công tác quản lý vận hành các CTCN có quy mô ngày càng lớn, kỹ thuật công nghệ theo hướng tiên tiến và địa bàn phục vụ ngày càng rộng. Xây dựng kế hoạch trung hạn và hàng năm, đi đôi với việc bố trí kinh phí hợp lý đối với công tác nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;
- Cơ cấu nguồn nhân lực giữa các Phòng nghiệp vụ, Đội Thi công và các CTCN đảm bảo hợp lý nhằm phát huy tối đa năng lực, kinh nghiệm công tác của từng VCLĐ; ưu tiên sử dụng kinh phí thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng tay nghề cho VCLĐ, nhất là VCLĐ công tác tại các CTCN;
- Điều chỉnh, bổ sung chức năng nhiệm vụ về tư vấn lĩnh vực tài nguyên nước và môi trường cho phù hợp với năng lực và kinh nghiệm thực tế của lực lượng lao động của Trung tâm;
- Giám đầu mối quản lý các CTCN, từng bước hình thành các CCN có quy mô, công suất lớn, phạm vi, địa bàn phục vụ cấp nước rộng có tính liên thông, hỗ trợ lẫn nhau về nhân lực, công suất cấp nước, ...

5.7. Giải pháp về ứng dụng kỹ thuật - công nghệ

- Nghiên cứu áp dụng các công nghệ sản xuất, xử lý nước tiên tiến giá thành phù hợp, đảm bảo chất lượng nước đầu ra đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước ăn uống và đầu tư nâng cấp công suất cấp nước theo phương thức module để giảm chi phí sản xuất, tránh lãng phí, nâng cao hiệu quả đầu tư;

- Tiếp tục đầu tư và ứng dụng phổ biến các tiện ích về CNTT, đảm bảo cho việc trao đổi thông tin và từng bước áp dụng công nghệ tự động giúp cho công tác quản lý điều hành, nhanh chóng, thông suốt. Nâng cao chất lượng phong trào thực hiện sáng kiến - cải tiến và triển khai áp dụng các sáng kiến - cải tiến góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả.

5.8. Giải pháp về tăng cường công tác phối hợp với các cơ quan liên quan của địa phương và sự tham gia của cộng đồng

- Phối hợp với các địa phương, tăng cường sự tham gia của cộng đồng, bảo đảm tạo cơ hội thuận lợi và bình đẳng để người dân được hưởng lợi và tham gia một cách tích cực, chủ động để thực hiện hoàn thành Tiêu chí 17.1 về cấp nước hợp vệ sinh, nước sạch thuộc Tiêu chí 17 về môi trường của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để góp phần đạt chuẩn xã nông thôn mới;

- Phát huy vai trò và tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong công tác bảo vệ tài sản các hạng mục CTCN sau đầu tư và phát huy hiệu quả nguồn vốn đầu tư, nâng cao công suất vận hành thực tế của công trình so với công suất thiết kế, tăng tỉ lệ dân được sử dụng nước sạch; kịp thời khen thưởng cho tổ chức, cá nhân phát hiện và cung cấp thông tin phục vụ cho việc xử lý các hành vi lấy cắp nước, phá hoại công trình cấp nước, làm ô nhiễm nguồn nước,....

5.9. Giải pháp về đất xây dựng

- Chủ động phối hợp với các địa phương và ngành liên quan thực hiện công tác thu hồi đất và đền bù giải tỏa theo dự án phê duyệt của cấp thẩm quyền, đẩy nhanh tiến độ thi công hoàn thành công trình cấp nước;

- Các cơ quan, đơn vị liên quan của địa phương phối hợp, hỗ trợ Trung tâm vận động tổ chức, cá nhân quản lý sử dụng đất được thu hồi xây dựng công trình cấp nước tạo điều kiện thuận lợi để đơn vị thi công hoàn thành công trình theo tiến.

5.10. Giải pháp về quản lý và giảm thiểu rủi ro

- Quá trình đầu tư mới và nâng cấp, mở rộng các CTCN cần tính toán, dự báo để chọn phương án về nguồn nước, vị trí xây dựng công trình đảm bảo cho công trình vận hành thường xuyên, liên tục đáp ứng công suất thiết kế, chất lượng nước cấp và nhu cầu sử dụng nước của khách hàng, hạn chế đến mức thấp nhất các rủi ro do thiên tai gây ra;

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động nguồn vốn đầu tư;

- Phối hợp chặt chẽ với các địa phương, đơn vị liên quan trong quá trình triển khai công tác thu hồi, đền bù giải tỏa đất xây dựng công trình và sử dụng hành lang bảo vệ đường bộ theo quy định hiện hành để đẩy nhanh tiến độ thực hiện;

- Cải tiến, đổi mới công tác quản lý đầu tư xây dựng công trình theo quy định hiện hành, phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Trung tâm nhằm hạn chế các nhà thầu trúng thầu về tư vấn xây dựng và thi công xây lắp nhưng không đáp ứng yêu cầu về năng lực tư vấn, thi công, tài chính,...

- Nghiên cứu kỹ thực tế và dự báo tình hình trong quá trình xây dựng giá nước để có phương án dự phòng và đề xuất kịp thời với các cấp thẩm quyền có biện pháp xử lý phù hợp trong trường hợp giá nước tiêu thụ thấp hơn giá thành nhằm đảm bảo duy trì hoạt động bình thường của Trung tâm và tính bền vững lâu dài của các CTCN;

- Tiếp tục xây dựng, củng cố về tổ chức bộ máy, nhân sự của Trung tâm theo hướng tinh gọn, giảm bớt đầu mối quản lý, bổ sung các nhiệm vụ sản xuất dịch vụ, tạo thêm nguồn thu phù hợp với hoạt động và năng lực thực tế của lực lượng lao động theo quy định hiện hành. Thường xuyên tạo điều kiện để VCLĐ nâng cao năng lực, tích lũy kinh nghiệm, đủ khả năng quản lý vận hành các CTCN có quy mô lớn, công nghệ tiên tiến và địa bàn phục vụ rộng. Xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch an toàn bảo hộ lao động hàng năm để chủ động phòng tránh tai nạn lao động, sự cố về cháy, nổ, rò rỉ khí Clo, đảm bảo an toàn cho người lao động và dân cư theo quy định.

6. Tổ chức thực hiện

6.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Thực hiện công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực cấp nước nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 24/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Bình Thuận;

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan nghiên cứu tham mưu các chính sách có liên quan đến việc đầu tư và quản lý vận hành CTCN sau đầu tư; nâng cao năng lực thể chế và hiệu quả hoạt động của Trung tâm;

- Tổ chức vận động, tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, các nhà tài trợ quốc tế, vốn CTMTQG xây dựng nông thôn mới, vốn sự nghiệp Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hàng năm và các nguồn vốn khác để đẩy nhanh tiến độ đầu tư hoàn thành các CTCN theo Quy hoạch cấp nước nông thôn tỉnh đến năm 2020 đã được phê duyệt, góp phần thực hiện đạt mục tiêu của CTMTQG xây dựng nông thôn mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm;

- Chỉ đạo các đơn vị liên quan thường xuyên rà soát để điều chỉnh, bổ sung Đồ án Quy hoạch công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh và yêu cầu Công

ty TNHH MTV Khai thác công trình Thủy lợi tỉnh Bình Thuận quản lý, điều tiết, đảm bảo nguồn nước thô từ các công trình thủy lợi để cung cấp theo nhu cầu của các CTCN trên địa bàn tỉnh;

- Chỉ đạo Chi cục Phát triển nông thôn phối hợp với Trung tâm khẩn trương triển khai và đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các CTCN thuộc “Chương trình mở rộng vệ sinh và cấp nước sinh hoạt nông thôn dựa trên kết quả” do Ngân hàng Thế giới tài trợ;

- Chỉ đạo Ban quản lý Dự án lĩnh vực nước phối hợp với Trung tâm khẩn trương triển khai và đẩy nhanh tiến độ hoàn thành CTCN Hàm Thuận Bắc công suất 10.000 m³/ngày;

- Nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm phù hợp với tình hình hoạt động thực tế và năng lực của lực lượng VCLĐ đơn vị theo quy định;

- Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh thực hiện tốt các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao trong công tác quản lý đầu tư và quản lý khai thác các CTCN.

6.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, cụ thể hóa các cơ chế chính sách của Nhà nước có liên quan đến lĩnh vực cung cấp, tiêu thụ nước sạch nông thôn phù hợp với điều kiện của tỉnh nhằm vận động, tranh thủ thu hút các nguồn vốn đầu tư từ Trung ương, các nhà tài trợ quốc tế, các thành phần kinh tế với các phương thức đầu tư phù hợp để trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thực hiện nhằm đẩy nhanh tiến độ đầu tư hoàn thành các CTCN theo Quy hoạch cấp nước nông thôn tỉnh đến năm 2020 đã được phê duyệt;

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung nguồn vốn đầu tư công trung hạn cho Chương trình Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch theo nguyện vọng của nhân dân các địa phương trong tỉnh, đặc biệt là trong tình hình biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan gây khô hạn kéo dài gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống nhân dân; đồng thời, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư trung hạn và hàng năm đối với các CTCN trên địa bàn;

- Tổ chức thẩm định, phê duyệt hoặc trình cấp thẩm quyền phê duyệt các dự án đầu tư CTCN theo phân cấp.

6.3. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, cụ thể hóa các cơ chế chính sách của Nhà nước có liên

quan đến lĩnh vực cung cấp, tiêu thụ nước sạch nông thôn phù hợp với điều kiện của tỉnh nhằm thu hút các nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế để trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thực hiện;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu chính sách hỗ trợ cho các đơn vị trực tiếp thực hiện công tác quản lý vận hành CTCN, nhằm đảm bảo các CTCN đã đầu tư phát huy hiệu quả, hoạt động bền vững lâu dài;

- Tổ chức thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt khung giá nước sạch theo quy định của Chính phủ;

6.4. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Thẩm định, cấp phép hoặc trình cấp thẩm quyền cấp phép khai thác nước dưới đất và nước mặt và xả thải đối với các CTCN; thực hiện công tác kiểm tra định kỳ việc thực hiện giấy phép khai thác nước, việc thực hiện nghĩa vụ thuế tài nguyên nước và xả thải các CTCN;

- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho Trung tâm về công tác thu hồi, đền bù giải tỏa đất xây dựng CTCN;

- Nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định về việc ưu tiên cung cấp nguồn nước dưới đất và nước mặt cho các CTCN trong những trường hợp đặc biệt có tình trạng tranh chấp về nguồn nước giữa các đối tượng sử dụng theo quy định của Luật Tài nguyên nước; quy định về sử dụng đất trong hành lang sử dụng đường bộ để lắp đặt, sửa chữa tuyến ống cấp nước; quy định về vành đai bảo hộ vệ sinh đối với các nguồn nước thô sử dụng cho các nhà máy nước sạch, góp phần giúp Trung tâm thực hiện có kết quả kế hoạch cấp nước an toàn theo phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6.5. Ban Dân tộc

- Phối hợp với các địa phương và đơn vị liên quan thực hiện công tác thông tin - truyền thông, giáo dục - vận động nâng cao nhận thức, hình thành thói quen về bảo quản và sử dụng tiết kiệm nguồn nước sạch, giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ nguồn nước và các hạng mục của CTCN trên địa bàn khu vực đồng bào dân tộc thiểu số;

- Nghiên cứu tham mưu về khung giá cung cấp nước sạch đối với khu vực đồng bào dân tộc thiểu số.

6.6. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

- Tranh thủ tối đa nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi theo Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/04/2004 và Quyết định số 18/2014/QĐ-TTg ngày 03/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn để tăng số lượng hộ gia

dinh vay đầu tư công trình cấp nước sạch hàng năm, góp phần nâng cao tỷ lệ hộ gia đình nông thôn sử dụng nước sạch và hiệu quả hoạt động của các CTCN do Trung tâm quản lý;

- Đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam kiến nghị Chính phủ xem xét điều chỉnh tăng mức vốn cho vay và mở rộng đối tượng cho vay cho phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, nhất là đối với thị trấn thuộc các huyện miền núi;

- Đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh tăng thêm nguồn vốn tạm ứng từ ngân sách tỉnh để nâng số lượng và đối tượng được sử dụng vốn vay ưu đãi thực hiện công tác lắp đặt thủy kế vào nhà sử dụng nước sạch từ các CTCN.

6.7. Sở Y tế/Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh

Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chất lượng nước và tình trạng vệ sinh của các CTCN theo quy định của Bộ Y tế, tạo điều kiện hỗ trợ Trung tâm thực hiện tốt kế hoạch cấp nước an toàn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

6.8. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Phối hợp, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho Trung tâm về công tác thu hồi, đền bù giải tỏa đất xây dựng CTCN, cấp phép khai thác nguồn nước, xác nhận việc đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản và xả thải trên địa bàn;

- Hỗ trợ Trung tâm trong công tác bảo vệ tài sản công trình, bảo vệ nguồn nước, hành lang bảo vệ tuyến ống cấp nước và các hạng mục công trình phụ trợ khác;

- Tổ chức vận động, huy động nguồn vốn dân góp và sự tham gia của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư và quản lý sử dụng các CTCN theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm đạt mục tiêu theo quy hoạch đã được phê duyệt trên địa bàn;

- Phối hợp với Trung tâm trong công tác ký kết, kiểm tra, theo dõi hỗ trợ thực hiện Thỏa thuận dịch vụ cấp nước trên địa bàn theo quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ và ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6.9. Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bình Thuận

- Chủ động phối hợp với các ngành, địa phương có liên quan thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch trung hạn và hàng năm, các giải pháp chủ yếu đã nêu trong Đề án này;

- Xây dựng, thực hiện tốt các quy trình liên quan đến công tác quản lý đầu tư xây dựng và quản lý vận hành CTCN và tổ chức thực hiện tốt, đảm bảo quản lý khai thác công trình đạt hiệu quả đầu tư, có tính ổn định, bền vững;

chất lượng nước đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định của Bộ Y tế; phân đấu giảm tỉ lệ thất thoát, thất thu nước sạch theo mục tiêu của Chính phủ; tiết kiệm chi phí giảm giá thành cấp nước;

- Tổ chức đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, áp dụng các tiến bộ của khoa học - công nghệ để không ngừng nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ cho khách hàng sử dụng nước;

- Chủ động nghiên cứu, đề xuất với các cấp thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách nhằm phục vụ cho công tác quản lý, vận hành, khai thác các CTCN đạt hiệu quả cao theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước; tiếp tục nghiên cứu đề xuất các phương án để từng bước chuyển đổi mô hình hoạt động của Trung tâm sang doanh nghiệp công ích và tiến tới áp dụng thực hiện mô hình doanh nghiệp cổ phần theo chủ trương chung của Chính phủ.

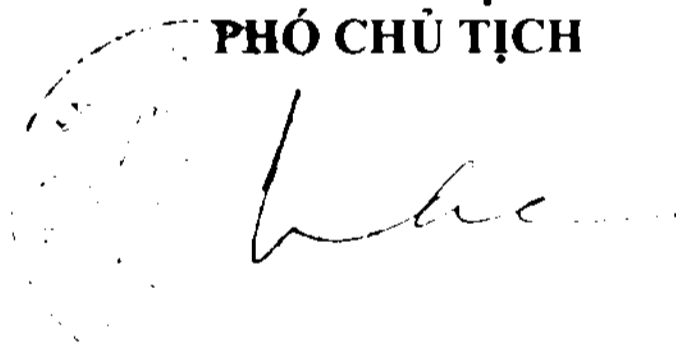
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Y tế, Trưởng Ban Dân tộc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Giám đốc Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh, Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Trung tâm Quốc gia Nước sạch và VSMTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCTUBND tỉnh Nguyễn Đức Hòa;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, NV, ĐTQH, KTN. Đức (b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Hòa

